TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định số: 01/2020/HS-GĐT
Ngày 30 tháng 3 năm 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Nguyễn Văn Tiến và Ông Phạm Việt Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lữ Thị H - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Lê Ra - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án hình sự đối với:

Bị cáo: Nguyễn Song H, sinh năm 1974. HKTT: tổ 37B phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; tạm trú: thành phố Đà Nẵng. Nghề nghiệp: nhân viên kỹ thuật Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Đà Nẵng; trình độ học vấn: 12/12. Con ông Nguyễn H và bà Nguyễn Thị H. Bị cáo có vợ tên Trần Thị N. Con: có 02 con, con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2015. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo hiện đang tại ngoại

(Trong vụ án còn có Trương Thanh T, Tán Đăng K và Ngô Thị T bị kết án về tội: "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng").

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ngày 05/6/2008, Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng ban hành Quyết định số 4427/QĐ-UBND thu hồi 449,400 m^2 đất rừng để thực hiện dự án Khu nghỉ dưỡng cao cấp T và giao cho Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 Thành phố Đà Nẵng kiểm định, giải tỏa đền bù trong đó có diện tích rừng giao khoán của hộ ông Trần Đình T nên Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Đà Nẵng thực hiện việc kiểm định diện tích đất rừng của hộ ông T theo 03 hợp đồng giao khoán:

- Hợp đồng giao khoán số 196B/HĐGK ngày 21/10/1998 do ông Trần Đình T đứng tên có hồ sơ số 22, diện tích rừng được giao khoán là 02 ha;

- Hợp đồng giao khoán số 59/HĐGK ngày 20/10/1998 do ông Nguyễn Thế T, bà Trần Thị Việt H và bà Trần Thị H đứng tên có số hồ sơ 23, diện tích rừng được giao khoán là 2,5ha;

- Hợp đồng giao khoán số 59/HĐGK ngày 20/10/1998 do ông Nguyễn Thế T, bà Trần Thị Việt H đứng tên có số hồ sơ 24, diện tích rừng được giao khoán là 2,5ha.

Công tác kiểm định đối với 03 hồ sơ giải tỏa đền bù số 22, 23, 24 nêu trên do Tổ kiểm định thực hiện gồm các thành viên:

- Trương Thanh T - Phó trưởng ban - Ban giải tỏa đền bù số 2;
- Nguyễn Song H - Cán bộ kỹ thuật Ban giải tỏa đền bù số 2;
- Ngô Thị T - Cán bộ áp giá đền bù;
- Tán Đăng K - Cán bộ xác định tính pháp lý nhà đất;
- Nguyễn H - Đại diện Ủy ban nhân dân quận S;
- Lê Văn S - Đại diện Ủy ban nhân dân phường Thọ Quang.

Ngày 15/4/2011, tổ kiểm định gồm Nguyễn Song H, Tán Đăng K, Ngô Thị T có mặt tại Trạm kiểm lâm S để làm việc trực tiếp với ông Trần Đình T về công tác kiểm định thực tế đối với các hồ sơ giải tỏa đền bù số 22, 23, 24. Sau khi nhận giấy tờ liên quan đến thửa đất được đền bù giải tỏa và bản kê khai nguồn gốc đất, ông T đã dẫn Nguyễn Song H cùng Tán Đăng K đến vị trí đất giải tỏa. Tại đây, ông T cùng với Tán Đăng K dùng thước dây loại 7,5m đo bể chứa nước ký hiệu H2 (ký hiệu theo kết quả kiểm định thực tế ngày 28/3/2017) để K đọc số liệu còn H phác thảo hiện trạng đất và ghi số liệu tính toán. Sau khi đo xong bể chứa nước H2, ông T nói trên đất còn 02 bể chứa nước khác nữa và bỏ đi làm việc của mình. Còn lại Nguyễn Song H và Tán Đăng K khi thấy địa hình hiểm trở, dây leo chằng chịt gây khó khăn cho việc đi lại nên đã thống nhất không đo hai bể chứa nước còn lại và lấy số liệu tương tự bể đã đo để ghi vào biên bản và quay về Trạm kiểm lâm S. Tại Trạm kiểm lâm S, Ngô Thị T lập biên bản kiểm định thực tế dựa trên số liệu do Nguyễn Song H cung cấp. Sau đó, ông Trần Đình T cùng các thành viên trong tổ kiểm định ký vào biên bản. Trong 03 hồ sơ kiểm định trên thể hiện Biên bản kiểm định ngày 15/4/2011 gồm các thành viên trong tổ kiểm định cùng với ông Trần Đình T là người được đền bù giải tỏa theo hồ sơ số 22 và người đại diện cho người được đền bù giải tỏa theo hồ sơ số 23, 24 đã kiểm định đối với hoa màu, vật kiến trúc trúc trên đất là 03 bể chứa nước ký hiệu H1, H2, H3 đều có thể tích V = 20,0 x 9,0 x 2,0 = 360 m^3 kết cấu bê tông cốt thép phục vụ sản xuất. Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Đà Nẵng đã áp giá và đền bù cho hộ ông Trần Đình T được nhận số tiền là 03 hồ x 360 m^3 x 516.000đ/m^3 = 557.289.000 đồng.

Ngày 28/3/2017, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng đã lập đoàn kiểm tra tiến hành kiểm tra thực tế và đo đạc tại tại diện tích đất rừng theo hồ sơ đền bù giải tỏa số 22, 23 và 24 như sau:

- Trong diện tích thuộc hồ sơ giải tỏa đền bù số 22 không có bể chứa nước nào, hiện trạng thửa đất không có dấu vết san lấp, đập phá;

- Trong diện tích thuộc hồ sơ giải tỏa đền bù số 23 không có bể chứa nước nào, hiện trạng thửa đất không có dấu vết san lấp, đập phá;

- Trong diện tích thuộc hồ sơ giải tỏa đền bù số 24 có 01 bể chứa nước (ký hiệu H3) có kích thước V = 29,06m x 12,17m x 0,83m = 293,54m^3, có kết cấu bằng xi măng + cát dày 2cm, không phải bằng bê tông cốt thép. Ngoài ra, trong diện tích đất này còn 02 bể chứa nước khác (ký hiệu H4, H5) có kích thước cụ thể như sau:

+ H4 có kích thước V = 14,26m x 6,43m x 2,2m = 201,72m^3 có tráng lớp xi măng dày khoảng 2cm;

+ H5 có kích thước V = 19,76m x 11,50m x 1,8m = 409m^3 có tráng lớp xi măng dày khoảng 2cm.

Tại kết luận định giá số 147 ngày 15/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng xác định:

- Bể nước ký hiệu H3 có giá trị 39.714.366 đồng;
- Bể nước ký hiệu H4 có giá trị 25.106.713 đồng;
- Bể nước ký hiệu H5 có giá trị 44.929.249 đồng.

Tổng giá trị 03 bể nước là 109.750.328 đồng.

Như vậy, các thành viên có tên trong tổ kiểm định đã lập hồ sơ kiểm định không đúng thực tế, nâng khống số lượng, chất lượng vật kiến trúc trong đất rừng bị giải tỏa. Từ đó, Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Đà Nẵng đã thanh toán khống số tiền các hồ sơ giải tỏa số 22, 23, 24 cho các hộ cụ thể như sau: hộ ông Trần Đình T nhận thanh toán khống số tiền 185.760.000 đồng; hộ ông Nguyễn Thế T, bà Trần Thị Việt H và bà Trần Thị H nhận khống số tiền 185.760.000 đồng; hộ ông Nguyễn Thế T và bà Trần Thị Việt H nhận khống số tiền 76.009.672 đồng. Ban giải tỏa đền bù các dự án đầu tư xây dựng số 2 thành phố Đà Nẵng gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 447.529.672 đồng.

Tại Cáo trạng số 40/2018/Ctr-VKS ngày 29/5/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng đã truy tố Nguyễn Song H cùng các đồng phạm về tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"* theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 68/2018/HSST ngày 01/10/2018, Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng áp dụng khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b,s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 tuyên phạt Nguyễn Song H 09 tháng tù về tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"*, thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên phạt đối với các bị cáo khác, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/10/2018, Nguyễn Song H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 208/2018/HSPT ngày 27/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Song H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 82/QĐ-VC2 ngày 30/8/2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm

phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm sửa bản án hình sự phúc thẩm số 208/2018/HSPT ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng theo hướng áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, cho bị cáo Nguyễn Song H được hưởng án treo.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố và tại các phiên tòa, Nguyễn Song H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, lời khai của H phù hợp với lời khai của các bị cáo khác, những người liên quan và các tài liệu chứng cứ khác, nên có đủ căn cứ kết luận: ngày 15/4/2011, Nguyễn Song H cùng các bị cáo khác đã có hành vi lập hồ sơ kiểm định không đúng thực tế, nâng khống số lượng, chất lượng vật kiến trúc trong đất rừng bị giải tỏa gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước số tiền 447.529.672 đồng. Hành vi của Nguyễn Song H bị Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng kết án về tội *"Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"* theo quy định tại khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Tuy nhiên, trong vụ án này, vai trò của Nguyễn Song H và Tán Đăng K là ngang nhau. Khi lập hồ sơ kiểm định, Tán Đăng K là người trực tiếp đo đạc bể chứa nước ký hiệu H2, kiểm tra kết cấu và đọc số liệu cho H ghi vào biên bản. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm tuyên phạt Tán Đăng K mức án 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo so với mức án của Nguyễn Song H là 09 tháng tù là không đảm bảo nguyên tắc công bằng giữa các bị cáo.

Ngoài ra, Nguyễn Song H có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã cùng các bị cáo khác nộp đủ số tiền bồi thường toàn bộ thiệt hại 447.529.672 đồng cho Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng để khắc phục hậu quả. Bị cáo là người có địa chỉ nơi cư trú rõ ràng; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, là người có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; tại cơ quan điều tra và tại các phiên tòa đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, Nguyễn Song H có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo hướng dẫn tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 2 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nhưng Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo được hưởng án treo là không phù hợp và thiếu công bằng.

Do đó, Hội đồng giám đốc thẩm chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 82/QĐ-VC2 ngày 30/8/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, sửa bản án hình sự phúc thẩm số 208/2018/HSPT ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với Nguyễn Song H.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 382; khoản 5 Điều 388; Điều 393 Bộ luật tố tụng hình sự;

1. Chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 82/QĐ-VC2 ngày 30/8/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

2. Sửa Bản án hình sự phúc thẩm số 208/2018/HSPT ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng về phần hình phạt đối với Nguyễn Song H: Căn cứ Khoản 1, Điều 285 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt Nguyễn Song H 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng tính từ ngày xét xử giám đốc thẩm.

Giao Nguyễn Song H cho Ủy ban nhân dân phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:
- TANDTC (Vụ I);
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- TAND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- Nguyễn Song H (theo địa chỉ);
- Lưu các Phòng: GĐKT I; HCTP; VTLT.

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Minh Tuấn